

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
CHÍNH TRỊ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Kết quả	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1		
							4,0		6,0	6,0				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	17
1	1223360220	Nguyễn Hồng Ái	11/05/2007	01BK15A6.3	8,0	9,0	8,7			7,3		7,9	Đạt	Đạt
2	1223360187	Phạm Đăng Gia An	04/07/2007	01BK15A6.3	6,0	7,0	6,7			4,0		5,1	Đạt	Đạt
3	1223360207	Lê Quốc An	17/12/2007	01DS15C1	6,0	7,0	6,7			6,5		6,6	Đạt	Đạt
4	1223360158	Trần Trường An	21/05/2007	01MK15C1	7,0	7,0	7,0			5,3		6,0	Đạt	Đạt
5	1223360150	Mạc Duy An	07/08/2007	01BK15A6.2	7,0	8,0	7,7			6,8		7,2	Đạt	Đạt
7	1223240037	Nguyễn Thị Ngọc Anh	10/09/1995	02KT15E1	9,5	8,0	8,5			9,3		9,0	Đạt	Đạt
8	1223360081	Hoàng Kỳ Anh	19/08/2007	01TM15C1	7,0	7,0	7,0			5,8		6,3	Đạt	Đạt
9	1223360038	Trần Tuyết Anh	20/09/2007	01DN15C1	9,0	9,0	9,0			5,5		6,9	Đạt	Đạt
10	1223360212	Phạm Minh Anh	16/06/2007	01DD15C1	7,0	7,0	7,0			6,8		6,9	Đạt	Đạt
11	1223360149	Phạm Lan Anh	14/05/2007	01BK15A6.2	7,0	8,0	7,7			5,8		6,6	Đạt	Đạt
12	1223360240	Nguyễn Hoàng Anh	10/04/2007	01PM15C1	7,0	8,0	7,7			5,8		6,6	Đạt	Đạt
13	1223360248	Vũ Bùi Quốc Anh	02/05/2007	01PM15C1	7,0	8,0	7,7			6,5		7,0	Đạt	Đạt
14	1223360231	Dương Tuấn Anh	21/02/2007	01DS15C1	6,0	7,0	6,7			4,8		5,6	Đạt	Đạt
15	1223360223	Nguyễn Hoài Phương Anh	18/02/2007	01DD15C1	7,0	7,0	7,0			6,5		6,7	Đạt	Đạt
18	2223360002	Võ Duy Anh	06/10/2000	02DH15D1	7,0	7,0	7,0			9,0		8,2	Đạt	Đạt
19	2223240006	Nguyễn Trần Hiếu Anh	28/03/1993	02DS15B1	7,0	7,0	7,0			9,0		8,2	Đạt	Đạt
20	2223240041	Lê Việt Anh	16/05/1995	02DS15B2	8,0	7,0	7,3			9,1		8,4	Đạt	Đạt
21	2223360053	Trần Minh Trâm Anh	16/02/2005	02DD15C1	8,0	8,0	8,0			9,0		8,6	Đạt	Đạt
23	2223240082	Trần Tuấn Anh	01/04/2001	02DS15B2	9,0	8,0	8,3			8,9		8,7	Đạt	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Kết quả	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1		
							4,0		6,0	6,0				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	17
24	2223360480	Nguyễn Kim Anh	03/02/2000	02DD15C2	9,0	8,5	8,7			6		7,1	Đạt	Đạt
25	2223240140	Trần Thị Vân Anh	14/11/2003	02YS15B1	9,0	9,0	9,0			6,5		7,5	Đạt	Đạt
26	2223360130	Nguyễn Ngọc Phương Anh	28/01/2004	02DH15C1	7,0	8,5	8,0			6,2		6,9	Đạt	Đạt
27	2223360443	Nguyễn Thị Vân Anh	29/09/2007	02KT15C1	7,0	8,0	7,7			6,5		7,0	Đạt	Đạt
28	2223360389	Nguyễn Phương Anh	09/12/2007	02YS15C1	6,0	7,0	6,7			4,5		5,4	Đạt	Đạt
30	2223360292	Hoàng Tuấn Anh	14/03/2003	02DN15D1	7,0	8,0	7,7			6,5		7,0	Đạt	Đạt
31	2223360387	Nguyễn Huỳnh Tuấn Anh	04/01/2004	02TM15C1	7,0	7,0	7,0			8,0		7,6	Đạt	Đạt
32	3223240009	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	13/08/2001	02KT15E2	8,0	7,5	7,7			9,1		8,5	Đạt	Đạt
34	1223360012	Lê Phước Gia Bảo	14/05/2004	01TM15C1	7,0	8,0	7,7			9,5		8,8	Đạt	Đạt
35	1223360062	Nguyễn Lâm Gia Bảo	07/11/2007	01BK15A6.1	8,0	8,0	8,0			6,5		7,1	Đạt	Đạt
36	1223360090	Nguyễn Duy Bảo	09/09/2007	01BK15A6.2	6,0	8,0	7,3			5,8		6,4	Đạt	Đạt
37	1223360112	Trịnh Hoàng Gia Bảo	19/08/2007	01PM15C1	7,0	7,0	7,0			4,8		5,7	Đạt	Đạt
38	1223360137	Ngô Trần Gia Bảo	28/12/2007	01DD15C1	6,0	8,0	7,3			4,0		5,3	Đạt	Đạt
39	1223360238	Nguyễn Quốc Bảo	24/02/2007	01BK15A7	7,0	8,0	7,7			6,0		6,7	Đạt	Đạt
40	2223240014	Bùi Chí Bảo	22/01/2001	02YS15B1	7,5	8,0	7,8			9,3		8,7	Đạt	Đạt
43	2223360024	Trần Gia Bảo	02/02/2005	02YS15C1	5,0	7,0	6,3			6,5		6,4	Đạt	Đạt
44	1223360083	Nguyễn Lý Tiến Bằng	26/09/2006	01DS15C1	8,0	8,0	8,0			6,5		7,1	Đạt	Đạt
45	1223360073	Ngô Thanh Bin	12/04/2007	01BK15A6.1	7,0	7,0	7,0			8,3		7,8	Đạt	Đạt
46	1223360140	Nguyễn Bình	18/03/2001	01BK15A6.2	8,0	9,0	8,7			5,5		6,8	Đạt	Đạt
47	1223360123	Nguyễn Bính	18/01/2007	01PM15C1	7,0	7,0	7,0			5,5		6,1	Đạt	Đạt
48	3223240007	Đặng Trần Thi Ca	20/02/1997	02KT15E2	8,0	8,0	8,0			7,3		7,6	Đạt	Đạt
49	1223360186	Võ Thành Công	08/12/2007	01BK15A6.3	7,0	7,0	7,0			5,8		6,3	Đạt	Đạt
52	3223240022	Trần Thị Hồng Cúc	10/02/1998	02KT15A1	7,5	7,5	7,5			7,8		7,7	Đạt	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Kết quả
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	17
53	1223360241	Nguyễn Hùng	Cường	07/04/2007	01PM15C1	7,0	8,0	7,7		6,8		7,2	Đạt	Đạt
55	2223360054	Nguyễn Chí	Cường	07/10/2000	02DS15D2	9,0	9,0	9,0		4,0		6,0	Đạt	Đạt
56	2223360086	Lê Chí	Cường	21/03/2003	02DH15C1	6,0	8,0	7,3		5,7		6,3	Đạt	Đạt
57	2223360132	Huỳnh Quốc	Cường	05/07/1999	02DN15D1	9,5	8,5	8,8		6,6		7,5	Đạt	Đạt
58	2223360091	Đồng Hương Thảo	Chân	04/06/1999	02MK15D1	8,5	8,5	8,5		8,7		8,6	Đạt	Đạt
59	1223240021	Phạm Thị Ngọc	Châu	03/04/2001	02KT15E1	8,0	7,0	7,3		6,7		6,9	Đạt	Đạt
60	2223240061	Nguyễn Phúc Bảo	Châu	02/07/2003	02DH15A1	8,0	9,0	8,7		8,3		8,5	Đạt	Đạt
61	2223240134	Nguyễn Thị Mỹ	Châu	01/01/1995	02KT15B1	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt	Đạt
62	2223240166	Huỳnh Thị Thùy	Châu	02/09/2000	02KT15B1	7,0	8,0	7,7		8,0		7,9	Đạt	Đạt
63	1223360213	Trần Hoàng Kim	Chi	27/12/2007	01DD15C1	7,0	7,0	7,0		5,5		6,1	Đạt	Đạt
64	1223360125	Huỳnh Thị An	Chi	18/08/2007	01BK15A6.2	7,0	7,0	7,0		5,3		6,0	Đạt	Đạt
66	2223180016	Lương Thị Kim	Chi	30/09/1979	02DS15B1	8,5	9,0	8,8		9,3		9,1	Đạt	Đạt
72	2223240046	Nguyễn Minh	Chiến	10/02/1998	02KT15B1	8,0	6,0	6,7		8,4		7,7	Đạt	Đạt
73	2223360345	Đặng Hoàng	Chiến	23/05/1995	02DD15D1	6,0	8,0	7,3		8,0		7,7	Đạt	Đạt
76	1223360131	Phùng Thị Tú	Diễm	06/06/2007	01DS15C1	8,0	9,0	8,7		4,3		6,1	Đạt	Đạt
77	2223240007	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	15/12/1984	02DD15B1	7,0	8,0	7,7		7,8		7,8	Đạt	Đạt
78	1223360210	Nguyễn Thị Thanh	Diệu	31/11/2007	01BK15A6.1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt	Đạt
79	2223360087	Nguyễn Hoàng	Dinh	27/09/2002	02PM15C1	6,0	7,0	6,7		5,2		5,8	Đạt	Đạt
80	2223360029	Ninh Thị	Dịu	20/04/1992	02DH15C1	8,0	8,0	8,0		5,5		6,5	Đạt	Đạt
82	2223360050	Quách Khả	Doanh	14/04/2006	02DS15C1	7,0	8,0	7,7		7,5		7,6	Đạt	Đạt
83	2223240100	Nguyễn Hoàng	Dung	24/02/2000	02DS15B2	8,5	6,5	7,2		5,6		6,2	Đạt	Đạt
84	2223240109	Lê Thị Thùy	Dung	21/03/2000	02KT15B1	7,0	7,0	7,0		5,0		5,8	Đạt	Đạt
85	1223360018	Đinh Hải	Duy	10/08/1997	01YS15C1	8,5	8,5	8,5		9.2		8,9	Đạt	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Kết quả	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1		
							4,0		6,0	6,0				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	17
86	1223360139	Hồ Trung	Duy	16/06/2007	01YS15C1	7,0	8,0	7,7		5,8		6,6	Đạt	Đạt
87	1223360206	Phạm Trà Hải	Duy	01/03/2007	01BK15A6.3	6,0	8,0	7,3		5,8		6,4	Đạt	Đạt
88	1223360246	Son Hữu	Duy	04/07/2007	01DD15C1	7,0	8,0	7,7		4,0		5,5	Đạt	Đạt
89	2223360030	Nguyễn Thị Khánh	Duy	20/09/2005	02DS15C1	7,0	8,0	7,7		6,3		6,9	Đạt	Đạt
90	2223360035	Lê Quang	Duyên	03/08/1993	02DS15D2	8,0	8,5	8,3		9,1		8,8	Đạt	Đạt
93	1223360031	Lê Vũ Thùy	Dương	20/11/1999	01BK15B4	7,0	7,0	7,0		8,0		7,6	Đạt	Đạt
94	1223360025	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	05/11/2007	01DH15C1	7,0	8,0	7,7		7,5		7,6	Đạt	Đạt
96	1223360059	Trần Thùy	Dương	08/02/2007	01BK15A6.1	7,0	7,0	7,0		6,8		6,9	Đạt	Đạt
97	1223360182	Trần Quốc	Dương	08/01/2007	01PM15C1	7,0	7,0	7,0		4,8		5,7	Đạt	Đạt
98	1223360136	Nguyễn Ngọc Hải	Dương	21/07/2007	01BK15A6.2	6,0	6,0	6,0		5,8		5,9	Đạt	Đạt
99	1223360133	Trần Khánh	Dương	21/08/2007	01MK15C1	7,0	7,0	7,0		8,0		7,6	Đạt	Đạt
101	2223240076	Trần Đức	Dương	13/04/2000	02DD15B1	8,0	8,0	8,0		9,8		9,1	Đạt	Đạt
102	2223240141	Đỗ Thị Thùy	Dương	08/07/2002	02DS15B2	9,0	9,0	9,0		9,5		9,3	Đạt	Đạt
103	2223240183	Đỗ Ngọc Thùy	Dương	17/04/2000	02KT15B1	7,0	8,0	7,7		8,3		8,1	Đạt	Đạt
104	2223360102	Nguyễn Thị	Dưỡng	22/09/2002	02MK15D1	8,5	9,0	8,8		8,4		8,6	Đạt	Đạt
105	1223360191	Phạm Thị Hồng	Đào	17/10/2007	01YS15C1	8,0	9,0	8,7		8,0		8,3	Đạt	Đạt
106	3223240004	Nguyễn Thị Anh	Đào	18/01/1995	02KT15E2	9,0	9,0	9,0		9,3		9,2	Đạt	Đạt
107	1223360051	Võ Tấn	Đạt	07/03/2007	01DD15C1	8,0	8,0	8,0		4,0		5,6	Đạt	Đạt
109	1223360094	Nguyễn Thành	Đạt	05/03/2007	01PM15C1	6,0	7,0	6,7		4,5		5,4	Đạt	Đạt
110	2223240050	Lê Khắc	Đạt	08/10/1999	02YS15B1	8,0	7,5	7,7		9,6		8,8	Đạt	Đạt
111	1223360157	Ngô Khánh	Đặng	02/12/2007	01BK15A6.3	7,0	7,0	7,0		6,5		6,7	Đạt	Đạt
112	2223240079	Bùi Thị	Điệp	15/06/1998	02DS15A2	9,0	10,0	9,7		8,0		8,7	Đạt	Đạt
113	1223240034	Đinh Thị Yến	Đinh	16/06/1995	01YS15A1	7,0	8,5	8,0		9.4		8,8	Đạt	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Kết quả
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	17
114	1223360052	Đặng Nguyễn Thục	Đoan	22/12/2007	01BK15A6.2	7,0	8,0	7,7		5,5		6,4	Đạt	Đạt
115	2223240130	Nguyễn Gia	Đông	25/01/1996	02DS15A2	7,5	7,0	7,2		7,8		7,6	Đạt	Đạt
116	1223360080	Phạm Thành	Đức	30/09/2007	01PM15C1	7,0	8,0	7,7		8,0		7,9	Đạt	Đạt
117	2223240036	Nguyễn Trọng	Đức	10/06/1987	02DS15B2	9,5	8,5	8,8		9,1		9,0	Đạt	Đạt
118	2223360017	Lê Thị Hồng	Gấm	02/06/1999	02DS15C2	6,0	6,0	6,0		5,5		5,7	Đạt	Đạt
119	1223240013	Nguyễn Thị Trúc	Giang	03/07/2003	01KT15A1	8,0	7,5	7,7		9,6		8,8	Đạt	Đạt
120	1223240022	Nguyễn Huỳnh	Giang	20/10/2003	01DS15A2	8,0	9,0	8,7		8,5		8,6	Đạt	Đạt
121	2223240129	Hồ Thị	Giang	09/12/2000	02DN15B1	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt	Đạt
122	2223360059	Trịnh Văn	Giàu	20/10/1993	02YS15D1	8,0	8,5	8,3		9,3		8,9	Đạt	Đạt
123	1223240004	Nguyễn Thị	Hà	02/10/1994	01DS15B1	7,0	8,0	7,7		8,0		7,9	Đạt	Đạt
124	2223360016	Trần Ngọc Thanh	Hà	23/07/2000	02TW15D1	7,0	7,0	7,0		7,3		7,2	Đạt	Đạt
125	3223240013	Huỳnh Thị Trúc	Hà	18/01/1996	02KT15E2	8,5	7,0	7,5		8,4		8,0	Đạt	Đạt
126	2223360178	Trần Thị Thanh	Hà	09/08/1988	02DS15D2	7,0	8,5	8,0		6,7		7,2	Đạt	Đạt
127	1223360188	Lê Đình Nam	Hải	27/12/2007	01DH15C1	8,0	8,0	8,0		7,3		7,6	Đạt	Đạt
128	1223360234	Cao Đức	Hạnh	03/02/2007	01PM15C1	6,0	6,0	6,0		4,5		5,1	Đạt	Đạt
129	2223240081	Lê Văn	Hạnh	12/07/2003	02BK15A3	5,0	6,0	5,7		5,7		5,7	Đạt	Đạt
130	2223240137	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	09/04/1996	02KT15E2	7,5	7,0	7,2		6,9		7,0	Đạt	Đạt
131	2223240147	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	08/03/2001	02DS15A2	9,0	9,0	9,0		8,4		8,6	Đạt	Đạt
132	1223360151	Đỗ Anh	Hào	23/04/2007	01BK15A6.2	6,0	8,0	7,3		5,3		6,1	Đạt	Đạt
133	2223240052	Nguyễn Minh	Hào	05/12/1993	02DS15B2	8,0	7,5	7,7		9,6		8,8	Đạt	Đạt
134	1223240007	Lâm Thị	Hào	02/08/2001	01YS15A1	7,0	7,0	7,0		9,8		8,7	Đạt	Đạt
135	1223360229	Phan Trần Thu	Hằng	17/08/2007	01DD15C1	7,0	7,0	7,0		5,0		5,8	Đạt	Đạt
136	2223360027	Nguyễn Mỹ	Hằng	13/03/2002	02KT15C1	7,0	8,0	7,7		7,8		7,8	Đạt	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Kết quả
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	17
137	2223240103	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	03/05/2002	02DS15A2	5,5	5,0	5,2		6,0		5,7	Đạt	Đạt
138	2223360324	Trịnh Thanh	Hằng	19/08/2007	02YS15C1	7,0	8,0	7,7		8,5		8,2	Đạt	Đạt
139	2223360442	Nguyễn Minh	Hằng	17/06/2005	02DS15C2	6,0	7,0	6,7		5,0		5,7	Đạt	Đạt
140	1223360030	Phùng Gia	Hân	26/04/2007	01BK15A6.1	7,0	9,0	8,3		6,8		7,4	Đạt	Đạt
141	1223360058	Trần Gia	Hân	30/10/2007	01DH15C1	7,0	7,0	7,0		5,8		6,3	Đạt	Đạt
142	1223360232	Nguyễn Gia	Hân	02/12/2007	01BK15A7	7,0	8,0	7,7		6,5		7,0	Đạt	Đạt
143	2223360432	Nhữ Bảo	Hân	14/10/2007	02DH15C2	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt	Đạt
144	1223360013	Phạm Trúc	Hậu	19/10/2004	01BK15A2	7,0	8,0	7,7		8,5		8,2	Đạt	Đạt
145	3223240003	Nguyễn Thị	Hiên	25/10/1990	02BK15B1	7,0	7,0	7,0		9,8		8,7	Đạt	Đạt
146	1223360146	Lê Trọng	Hiên	15/05/2007	01MK15C1	7,0	8,0	7,7		4,0		5,5	Đạt	Đạt
147	2223240127	Bùi Thị	Hiên	09/10/2002	02DD15B1	6,5	7,0	6,8		6,6		6,7	Đạt	Đạt
148	2223360031	Ngô Quang	Hiệp	19/04/2002	02DD15C1	8,0	8,0	8,0		7,5		7,7	Đạt	Đạt
149	1223360101	Trần	Hiếu	29/01/2007	01BK15A6.2	7,0	7,0	7,0		5,0		5,8	Đạt	Đạt
150	1223360250	Nguyễn Trung	Hiếu	01/02/2007	01DN15C1	7,0	8,0	7,7		6,5		7,0	Đạt	Đạt
151	2223240118	Hồ Trung	Hiếu	08/02/2003	02YS15B1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt	Đạt
152	2223360013	Huỳnh Nguyễn Đức	Hoài	09/01/2004	02BK15A1	7,0	6,0	6,3		9,5		8,2	Đạt	Đạt
153	2223240018	Hoàng Thị	Hoài	08/03/1990	02DD15B1	7,0	8,0	7,7		8,8		8,4	Đạt	Đạt
154	1223360249	Bùi Thị Phương	Hoàn	03/05/2007	01BK15A7	7,0	7,0	7,0		3,8		5,1	Đạt	Đạt
155	1223360007	Thạch Huy	Hoàng	28/01/2002	01YS15C1	8,0	9,0	8,7		9,3		9,1	Đạt	Đạt
156	2223240031	Thái Lê Lý Mỹ	Hoàng	16/09/2000	02KT15B1	8,0	6,5	7,0		8,9		8,1	Đạt	Đạt
157	3223240002	Phạm Thị Kim	Hồ	20/10/1994	02KT15E2	7,0	7,0	7,0		9,3		8,4	Đạt	Đạt
158	1223360026	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	30/07/2004	01DH15C1	7,0	7,0	7,0		6,5		6,7	Đạt	Đạt
159	2223360006	Võ Thị	Hồng	02/06/1991	02DS15C2	9,0	9,0	9,0		9,8		9,5	Đạt	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Kết quả	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1		
							4,0		6,0	6,0				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	17
160	2223240017	Lê Thị Hồng	17/10/1990	02YS15B1	7,0	7,0	7,0			8,0		7,6	Đạt	Đạt
161	2223360092	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	08/01/2002	02BK15B3	9,5	7,0	7,8			9,3		8,7	Đạt	Đạt
162	2223240011	Nguyễn Thị Huệ	14/02/1985	02DS15B1	7,0	8,0	7,7			9,0		8,5	Đạt	Đạt
163	1223360211	Nguyễn Hoàng Lâm Hùng	15/07/2007	01BK15A6.1	6,0	8,0	7,3			4,3		5,5	Đạt	Đạt
164	2223240132	Nguyễn Hùng	21/01/2002	02YS15B1	7,0	5,0	5,7			5,5		5,6	Đạt	Đạt
165	2223360198	Đặng Thế Hùng	21/12/2006	02DL15C1	8,0	8,0	8,0			3,8		5,5	Đạt	Đạt
166	1223240023	Nguyễn Quốc Huy	24/01/2003	01TM15A1	6,0	7,0	6,7			6,2		6,4	Đạt	Đạt
167	1223360219	Nguyễn Phạm Xuân Huy	30/03/2007	01DH15C1	7,0	7,0	7,0			7,0		7,0	Đạt	Đạt
168	1223360097	Phạm Văn Huy	27/05/2007	01KT15C1	6,0	7,0	6,7			4,0		5,1	Đạt	Đạt
169	1223240041	Đỗ Vương Huy	26/04/2001	01DS15A2	7,0	7,0	7,0			6,0		6,4	Đạt	Đạt
170	2223360021	Hoàng Quốc Huy	14/03/1994	02KT15D1	7,0	8,0	7,7			6,5		7,0	Đạt	Đạt
171	2223240057	Nguyễn Quốc Huy	31/07/2003	02PM15A1	8,0	6,5	7,0			5,1		5,9	Đạt	Đạt
172	2223240035	Nguyễn Khắc Huy	15/09/2000	02TW15A1	8,0	8,0	8,0			8,5		8,3	Đạt	Đạt
173	2223360065	Đinh Thanh Huy	07/10/2004	02DN15C1	7,0	8,0	7,7			8,3		8,1	Đạt	Đạt
174	2223360088	Bùi Gia Huy	22/04/2003	02DH15C1	7,0	7,0	7,0			5,5		6,1	Đạt	Đạt
175	2223240092	Nguyễn Văn Huy	14/11/2003	02YS15A2	7,0	8,0	7,7			6,2		6,8	Đạt	Đạt
176	2223360138	Mai Quốc Huy	04/01/2003	02PL15C1	6,5	7,5	7,2			6,5		6,8	Đạt	Đạt
177	2223360229	Nguyễn Nhật Huy	07/06/2007	02YS15D1	6,0	7,0	6,7			8,3		7,7	Đạt	Đạt
178	2223240083	Trần Thị Kim Huyền	15/05/2003	02YS15A2	8,0	8,0	8,0			5,7		6,6	Đạt	Đạt
179	2223360026	Mai Thị Huyền	03/06/1999	02YS15D1	8,0	9,0	8,7			8,9		8,8	Đạt	Đạt
180	2223360090	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	22/12/2003	02YS15C1	7,0	8,0	7,7			6,2		6,8	Đạt	Đạt
181	1223360077	Nguyễn Thị Như Huỳnh	12/03/2007	01BK15A6.3	7,0	7,0	7,0			6,8		6,9	Đạt	Đạt
183	2223240135	Lê Đức Hưng	07/09/1985	02DS15B2	9,0	8,5	8,7			7,5		8,0	Đạt	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Kết quả	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1		
							4,0		6,0	6,0				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	17
185	2223240121	Nguyễn Trung	Hung	01/11/2000	02DD15A2	9,0	7,5	8,0		8,2		8,1	Đạt	Đạt
188	1223240050	Hà Thị	Huong	19/09/1995	01DS15B1	8,0	9,0	8,7		9,0		8,9	Đạt	Đạt
190	2223240024	Nguyễn Thị Ngọc	Huong	26/06/1978	02BK15B1	7,0	8,0	7,7		6,8		7,2	Đạt	Đạt
191	2223240180	Đào Xuân	Huong	13/03/1995	02DD15B1	5,0	7,0	6,3		5,8		6,0	Đạt	Đạt
192	2223240120	Lê Thị	Hường	02/09/1996	02MK15B1	9,5	8,5	8,8		7,8		8,2	Đạt	Đạt
193	1223360226	Mai Trọng	Hữu	08/04/2006	01BK15A6.1	8,0	8,0	8,0		4,8		6,1	Đạt	Đạt
194	1223360060	Nguyễn Văn	Kiên	14/01/2007	01BK15A6.1	7,0	7,0	7,0		6,5		6,7	Đạt	Đạt
195	1223360078	Mai Trung	Kiên	08/11/2005	01BK15A6.1	7,0	7,0	7,0		6,0		6,4	Đạt	Đạt
196	2223360096	Tạ Trung	Kiên	22/07/2002	02DS15D1	6,0	8,0	7,3		6,5		6,8	Đạt	Đạt
198	1223240042	Trần Tuấn	Kiệt	01/06/2001	01TM15A1	8,0	8,0	8,0		7,5		7,7	Đạt	Đạt
199	1223360084	Lê Anh	Kiệt	20/08/2007	01KT15C1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt	Đạt
201	2223360203	Phạm Thị Lệ	Kiều	01/06/1994	02YS15D1	7,0	8,0	7,7		8,0		7,9	Đạt	Đạt
202	1223360006	Đoàn Minh	Khang	08/08/2006	01TM15C1	7,0	7,0	7,0		7,8		7,5	Đạt	Đạt
204	1223360118	Nguyễn Tuấn	Khang	07/11/2007	01KT15C1	7,0	7,0	7,0		7,3		7,2	Đạt	Đạt
205	1223360214	Nguyễn Duy Gia	Khánh	07/11/2007	01TM15C1	6,0	7,0	6,7		6,3		6,5	Đạt	Đạt
207	2223240021	Lê Quốc	Khánh	22/04/2001	02TM15A1	7,0	7,0	7,0		9,8		8,7	Đạt	Đạt
208	2223360098	Lương Thùy Mỹ	Khánh	03/09/2004	02KT15C1	6,0	5,0	5,3		5,8		5,6	Đạt	Đạt
209	2223360179	Trịnh Huy	Khánh	14/09/2006	02DH15C1	7,5	6,5	6,8		7,6		7,3	Đạt	Đạt
211	1223360194	Phạm Anh	Khoa	07/02/2007	01DH15C1	7,0	8,0	7,7		6,8		7,2	Đạt	Đạt
212	1223360098	Nguyễn Hoàng Anh	Khoa	06/10/2007	01BK15A6.2	6,0	7,0	6,7		4,0		5,1	Đạt	Đạt
213	1223360170	Trương Nguyễn Đăng	Khoa	30/09/2007	01PM15C1	7,0	7,0	7,0		4,5		5,5	Đạt	Đạt
214	1223360247	Phan Hoàng Anh	Khoa	10/08/2007	01KT15C1	7,0	8,0	7,7		5,5		6,4	Đạt	Đạt
215	2223360033	Nguyễn Thị Đăng	Khoa	02/08/2003	02DS15C1	8,0	8,0	8,0		8,8		8,5	Đạt	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Kết quả	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1		
							4,0		6,0	6,0				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	17
216	2223360061	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	04/02/2003	02KT15C1	9,0	9,0	9,0		8,8		8,9	Đạt	Đạt
217	2223360106	Đỗ Đăng	Khoa	17/02/2002	02DN15D1	7,0	7,0	7,0		7,6		7,4	Đạt	Đạt
218	1223360061	Lương Hoàng Anh	Khôi	07/11/2007	01BK15A6.1	6,0	8,0	7,3		6,0		6,5	Đạt	Đạt
219	1223360192	Võ Trần Đăng	Khôi	22/01/2007	01BK15A6.1	7,0	7,0	7,0		6,5		6,7	Đạt	Đạt
220	2223360100	Dương Minh	Khôi	02/08/2006	02DD15C1	5,5	5,0	5,2		6,3		5,9	Đạt	Đạt
222	2223360147	Vũ Nhật	Khôi	01/12/2006	02PM15C1	7,0	8,0	7,7		7,3		7,5	Đạt	Đạt
223	1223240032	Trương Mạnh	Khuong	14/07/1997	02KT15E1	8,0	7,5	7,7		8,4		8,1	Đạt	Đạt
225	1223240035	Phan Trường	Lam	02/08/1999	02DH15B1	6,5	6,0	6,2		6,9		6,6	Đạt	Đạt
226	1223360041	Chiếm Ngọc Trúc	Lam	12/09/2007	01YS15C1	7,0	7,0	7,0		5,3		6,0	Đạt	Đạt
227	1223360127	Dương Uyển Nhược	Lan	10/08/2007	01DS15C1	6,0	7,0	6,7		5,3		5,9	Đạt	Đạt
228	1223360056	Đăng Hoàng	Lâm	20/07/2007	01DD15C1	8,0	9,0	8,7		4,8		6,4	Đạt	Đạt
229	2223360080	Đình Công	Lâm	16/02/2003	02PM15C1	5,0	5,0	5,0		4,7		4,8	Đạt	Đạt
231	1223240045	Phùng Văn	Lập	01/06/1991	01DS15B1	8,0	9,0	8,7		7,5		8,0	Đạt	Đạt
232	2223360022	Huỳnh Hồng	Liên	10/07/2004	02BK15B1	7,0	6,0	6,3		5,8		6,0	Đạt	Đạt
233	1223240016	Đăng Ngọc Phương	Linh	31/05/2003	01DS15A2	8,0	9,0	8,7		8,0		8,3	Đạt	Đạt
234	1223360068	Phan Gia	Linh	05/06/2007	01KT15C1	9,0	9,0	9,0		8,0		8,4	Đạt	Đạt
236	1223360074	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	22/08/2007	01DD15C1	6,0	8,0	7,3		5,5		6,2	Đạt	Đạt
237	1223360075	Nguyễn Ngọc Thúy	Linh	22/08/2007	01DD15C1	7,0	7,0	7,0		6,5		6,7	Đạt	Đạt
238	1223360163	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	13/07/2007	01DS15C1	7,0	7,0	7,0		5,3		6,0	Đạt	Đạt
239	2223240020	Đăng Trần Mỹ	Linh	21/06/2001	02DS15A2	7,0	8,0	7,7		9,5		8,8	Đạt	Đạt
240	2223240015	Nguyễn Phan Hoài	Linh	24/12/1999	02BK15B1	7,0	7,0	7,0		9,3		8,4	Đạt	Đạt
241	3223240001	Lê Thị Khánh	Linh	06/03/1998	02BK15B1	7,0	8,0	7,7		8,8		8,4	Đạt	Đạt
242	2223360051	Nguyễn Thị	Linh	03/09/2002	02BK15B2	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Kết quả	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1		
							4,0		6,0	6,0				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	17
245	2223360073	Trần Nhật	Linh	04/04/1999	02MK15D1	8,5	8,5	8,5		9,8		9,3	Đạt	Đạt
246	2223180044	Phạm Thị Thùy	Linh	27/06/1985	02DS15B1	6,0	7,0	6,7		8,7		7,9	Đạt	Đạt
247	2223240084	Đỗ Thị Yến	Linh	06/03/2003	02DS15A2	8,0	9,0	8,7		7,5		8,0	Đạt	Đạt
248	2223360128	Lê Thị Thùy	Linh	01/08/2003	02DS15C2	7,0	6,5	6,7		8,2		7,6	Đạt	Đạt
249	2223360441	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	08/05/2007	02MK15C1	7,0	7,0	7,0		6,5		6,7	Đạt	Đạt
250	2223240080	Nguyễn Ứng	Lĩnh	07/10/2001	02YS15A2	7,0	8,0	7,7		7,2		7,4	Đạt	Đạt
251	1223360009	Lê Thanh	Long	03/09/2003	01KT15C1	8,0	8,0	8,0		8,8		8,5	Đạt	Đạt
252	1223360027	Đoàn Minh	Long	16/04/2007	01BK15A6.1	6,0	7,0	6,7		6,0		6,3	Đạt	Đạt
253	2223240043	Lê Thành	Long	01/01/2003	02BK15B2	8,0	7,5	7,7		9,1		8,5	Đạt	Đạt
254	1223360141	Nguyễn Hữu	Lộc	03/11/2007	01KT15C1	7,0	8,0	7,7		4,5		5,8	Đạt	Đạt
255	1223360193	Võ Minh	Lộc	08/07/2007	01BK15A6.2	7,0	7,0	7,0		6,3		6,6	Đạt	Đạt
256	2223240033	Võ Phước	Lộc	11/04/2002	02YS15B1	8,0	7,5	7,7		8,2		8,0	Đạt	Đạt
257	2223360068	Trần Thanh Phước	Lộc	24/12/1988	02DS15D2	8,0	8,0	8,0		9,0		8,6	Đạt	Đạt
262	2223360307	Nguyễn Hữu	Lộc	03/12/2007	02BK15A6.5	7,0	7,0	7,0		6,3		6,6	Đạt	Đạt
263	2223360020	Nguyễn Xuân	Lợi	18/08/2001	02DD15C1	7,0	8,0	7,7		9,3		8,7	Đạt	Đạt
265	2223360097	Nguyễn Tiến	Lợi	14/10/2001	02BK15A3	8,0	8,0	8,0		7,5		7,7	Đạt	Đạt
266	1223360064	Đoàn Khánh	Ly	24/08/2007	01BK15A6.1	7,0	7,0	7,0		7,3		7,2	Đạt	Đạt
268	2223240160	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	21/10/2002	02DH15B1	7,0	7,0	7,0		8,3		7,8	Đạt	Đạt
269	1223240038	Đào Thị	Mai	20/12/1997	01DS15B1	8,0	9,0	8,7		6,0		7,1	Đạt	Đạt
270	1223360088	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	27/01/2005	01DS15C1	6,0	8,0	7,3		7,0		7,1	Đạt	Đạt
271	1223360049	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	23/01/2007	01DS15C1	8,0	8,0	8,0		4,8		6,1	Đạt	Đạt
272	2223240178	Võ Thị Tuyết	Mai	22/02/1975	02YS15B1	8,0	8,0	8,0		8,3		8,2	Đạt	Đạt
274	2223180061	Nguyễn Thị Tuyết	Măng	27/01/1989	02BK15B5	9,0	8,5	8,7		6,7		7,5	Đạt	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Kết quả	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1		
							4,0		6,0	6,0				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	17
275	1223360122	Trần Minh	Mẫn	28/02/2007	01BK15A6.2	6,0	7,0	6,7		3,8		5,0	Đạt	Đạt
276	1223360091	Phan Hoài	Minh	26/12/2007	01BK15A6.2	7,0	7,0	7,0		5,0		5,8	Đạt	Đạt
277	2223360084	Nguyễn Quang	Minh	30/04/2003	02MK15C1	6,0	4,5	5,0		6,2		5,7	Đạt	Đạt
278	2223240107	Phạm Hữu	Minh	19/10/1988	02DS15B2	6,5	7,5	7,2		6,5		6,8	Đạt	Đạt
279	2223360135	Ngô Thị Tú	Minh	07/10/2001	02DS15D2	7,0	7,0	7,0		4,5		5,5	Đạt	Đạt
280	2223240039	Võ Nguyễn Hoàng	My	05/04/2003	02DD15B1	8,5	8,0	8,2		8,7		8,5	Đạt	Đạt
281	2223240122	Đặng Thị Diễm	My	20/04/2003	02YS15A2	8,5	8,5	8,5		8,2		8,3	Đạt	Đạt
283	2223360444	Nguyễn Nhật Hoàng	My	14/06/2007	02DH15C2	6,0	8,0	7,3		7,3		7,3	Đạt	Đạt
284	1223360079	Nguyễn Hoàng	Mỹ	02/05/2007	01BK15A6.3	8,0	8,0	8,0		6,0		6,8	Đạt	Đạt
286	2223240047	Vũ Nhật	Nam	29/06/2002	02DD15B1	8,0	7,0	7,3		8,0		7,7	Đạt	Đạt
287	2223360133	Bùi Hoài	Nam	06/02/2004	02MK15C1	2,0	7,0	5,3		8,2		7,0	Đạt	Đạt
288	2223360328	Đào Văn	Nam	17/12/2004	02MK15D1	7,0	8,0	7,7		6,8		7,2	Đạt	Đạt
289	3223240010	Đoàn Nhất	Nuong	29/12/1992	02KT15E2	8,5	8,0	8,2		9,1		8,7	Đạt	Đạt
290	2223360110	Nguyễn Lê Minh	Ny	25/12/2007	01DN15C1	7,0	7,0	7,0		5,8		6,3	Đạt	Đạt
291	1223360166	Nguyễn Thị Thúy	Nga	15/09/2007	01BK15A6.2	7,0	7,0	7,0		4,5		5,5	Đạt	Đạt
292	1223240010	Đoàn Thu	Ngân	15/07/2000	01DS15B1	9,0	8,0	8,3		9,8		9,2	Đạt	Đạt
293	1223360014	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	04/10/1999	01BK15A2	8,0	8,0	8,0		8,5		8,3	Đạt	Đạt
294	1223360032	Trương Nguyễn Thu	Ngân	03/04/2007	01BK15A6.1	7,0	7,0	7,0		6,3		6,6	Đạt	Đạt
295	1223360181	Trần Thị Ngọc	Ngân	28/11/2007	01DS15C1	8,0	8,0	8,0		5,3		6,4	Đạt	Đạt
296	1223360129	Châu Kim	Ngân	11/10/2007	01BK15A6.3	7,0	7,0	7,0		6,8		6,9	Đạt	Đạt
297	1223360178	Huỳnh Thị Kim	Ngân	25/05/2007	01BK15A6.3	7,0	7,0	7,0		6,5		6,7	Đạt	Đạt
300	1223360124	Võ Thu	Ngân	08/01/2007	01BK15A6.2	6,0	7,0	6,7		5,5		6,0	Đạt	Đạt
301	1223360132	Phan Thị Thanh	Ngân	26/02/2007	01DS15C1	6,0	7,0	6,7		4,8		5,6	Đạt	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Kết quả	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1		
							4,0		6,0	6,0				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	17
302	1223240040	Hà Kim	Ngân	09/05/2000	01DS15A2	8,0	8,0	8,0		8,5		8,3	Đạt	Đạt
303	1223360227	Phạm Ngọc Tuyết	Ngân	28/02/2007	01BK15A7	7,0	7,0	7,0		6,5		6,7	Đạt	Đạt
304	1223360235	Trần Nguyễn Quỳnh	Ngân	18/08/2007	01DD15C1	8,0	8,0	8,0		5,0		6,2	Đạt	Đạt
305	2223360101	Nguyễn Huỳnh Khánh	Ngân	14/12/2005	02YS15C1	6,5	5,0	5,5		4,7		5,0	Đạt	Đạt
306	2223360446	Trần Thị Mỹ	Ngân	22/05/2007	02DL15C1	8,0	8,0	8,0		6,8		7,3	Đạt	Đạt
307	1223360143	Đàm Xuân	Nghi	08/06/2007	01BK15A6.2	7,0	7,0	7,0		5,8		6,3	Đạt	Đạt
309	1223360092	Lê Trọng	Nghĩa	06/12/2007	01TM15C1	7,0	7,0	7,0		4,0		5,2	Đạt	Đạt
310	2223240163	Lê Đức	Nghĩa	24/02/1995	02MK15B1	7,0	7,0	7,0		9,0		8,2	Đạt	Đạt
311	1223240006	Trần Hồ Mỹ	Ngọc	01/01/2003	01DD15A1	7,0	7,0	7,0		9,5		8,5	Đạt	Đạt
312	1223360010	Cao Hồng	Ngọc	28/03/2006	01BK15A2	8,0	9,0	8,7		6,0		7,1	Đạt	Đạt
313	1223360024	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	10/06/2007	01DN15C1	8,0	9,0	8,7		7,8		8,2	Đạt	Đạt
315	1223360109	Lê Thị	Ngọc	05/01/2007	01YS15C1	7,0	7,0	7,0		6,3		6,6	Đạt	Đạt
316	1223360120	Trịnh Hồng	Ngọc	17/11/2007	01BK15A6.2	7,0	8,0	7,7		5,3		6,3	Đạt	Đạt
318	2223240030	Ngô Tuyền	Ngọc	31/07/2001	02DH15B1	8,5	7,5	7,8		9,3		8,7	Đạt	Đạt
319	2223240073	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngọc	07/03/2003	02BK15A2	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt	Đạt
320	2223240074	Hà Bảo	Ngọc	25/02/2002	02BK15A2	8,0	8,0	8,0		6,8		7,3	Đạt	Đạt
321	2223360076	Lê Đình	Ngọc	13/08/2001	02DH15C1	8,0	8,0	8,0		7,5		7,7	Đạt	Đạt
322	2223240099	Nguyễn Long	Ngọc	22/08/2003	02BK15A3	5,0	5,0	5,0		6,5		5,9	Đạt	Đạt
323	2223360334	Đào Bảo	Ngọc	02/04/2007	02DS15C1	7,0	7,0	7,0		6,8		6,9	Đạt	Đạt
325	1223240030	Nguyễn Phương	Nguyên	23/12/2001	01DS15A2	8,0	8,0	8,0		8,5		8,3	Đạt	Đạt
326	2223240008	Võ Nguyễn Hạnh	Nguyên	17/10/2000	02BK15A1	7,0	7,0	7,0		10,0		8,8	Đạt	Đạt
327	2223360058	Trần Thị Thanh	Nguyên	24/01/2004	02DD15C1	7,0	8,0	7,7		8,3		8,1	Đạt	Đạt
328	1223240059	Bùi Thị Thu	Nguyệt	06/10/2004	01YS15A1	7,0	7,0	7,0		6,3		6,6	Đạt	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Kết quả	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1		
							4,0		6,0	6,0				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	17
329	2223360057	Nguyễn Hồng	Ngự	21/02/1994	02DN15D1	6,0	8,0	7,3		8,2		7,9	Đạt	Đạt
330	1223360197	Nguyễn Đình Thiện	Nhân	12/06/2007	01BK15A6.3	7,0	7,0	7,0		6,5		6,7	Đạt	Đạt
332	2223360449	Hoàng Thành	Nhân	09/10/2006	02PM15C2	6,0	8,0	7,3		6,8		7,0	Đạt	Đạt
333	2223360042	Đặng Xuân	Nhật	10/11/2001	02DH15C1	8,0	8,0	8,0		8,8		8,5	Đạt	Đạt
334	1223240046	Trần Thị Hồng	Nhi	29/10/1998	02KT15E1	8,0	8,0	8,0		6,8		7,3	Đạt	Đạt
335	1223360115	Trương Nguyệt	Nhi	19/03/2007	01KT15C1	7,0	8,0	7,7		4,3		5,7	Đạt	Đạt
336	1223360152	Hà Ngọc	Nhi	06/03/2007	01BK15A6.2	7,0	7,0	7,0		5,0		5,8	Đạt	Đạt
337	2223360069	Phạm Thảo	Nhi	09/07/1996	02KT15D1	6,0	8,0	7,3		8,7		8,1	Đạt	Đạt
338	2223240040	Huỳnh Thị Hồng	Nhi	28/05/2001	02BK15A2	8,0	9,0	8,7		8,8		8,8	Đạt	Đạt
339	2223240067	Võ Tuệ	Nhi	29/01/2001	02DD15A2	8,0	9,0	8,7		9,0		8,9	Đạt	Đạt
340	2223360078	Nguyễn Phạm Nguyệt	Nhi	25/05/2006	02YS15C1	5,5	6,0	5,8		6,3		6,1	Đạt	Đạt
341	2223240124	Vũ Thị Yến	Nhi	27/07/2000	02YS15B1	9,5	8,5	8,8		7,5		8,0	Đạt	Đạt
342	2223360374	Võ Yến	Nhi	31/10/2007	02YS15C1	7,0	8,0	7,7		6,8		7,2	Đạt	Đạt
343	2223240152	Nguyễn Hoàng Tuyết	Nhi	02/10/1997	02MK15B1	8,0	8,0	8,0		7,5		7,7	Đạt	Đạt
344	1223360076	Phùng Thanh	Nhị	09/09/1994	01DN15C1	8,0	9,0	8,7		8,5		8,6	Đạt	Đạt
345	1223360148	Trần Thị Phi	Nhung	05/06/2007	01DD15C1	7,0	7,0	7,0		6,8		6,9	Đạt	Đạt
348	1223360023	Phan Thị Quỳnh	Như	26/09/2007	01BK15A6.1	7,0	7,0	7,0		7,3		7,2	Đạt	Đạt
349	1223360048	Phạm Thị Huỳnh	Như	19/10/2007	01BK15A6.1	7,0	7,0	7,0		5,8		6,3	Đạt	Đạt
350	2223240111	Nguyễn Thị Tổ	Như	37531	02YS15A2	7,5	8,0	7,8		5,6		6,5	Đạt	Đạt
351	2223240023	Nguyễn Thị	Nhường	06/11/1980	02DD15B1	7,0	8,0	7,7		8,8		8,4	Đạt	Đạt
352	1223240001	Nguyễn Minh	Nhựt	21/04/2001	02KT15E1	7,0	7,0	7,0		8,8		8,1	Đạt	Đạt
353	1223360042	Mai Thanh	Nhựt	12/12/2006	01BK15A6.1	7,0	7,0	7,0		6,3		6,6	Đạt	Đạt
354	2223360023	Phạm Nguyễn Minh	Nhựt	29/12/2006	02DH15C1	7,0	8,0	7,7		4,3		5,7	Đạt	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Kết quả	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1		
							4,0		6,0	6,0				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	17
355	2223360472	Đỗ Minh	Nhật	26/01/2003	02PL15C1	8,0	8,0	8,0		5,5		6,5	Đạt	Đạt
356	1223360063	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	23/04/2006	01DD15C1	7,0	7,0	7,0		5,8		6,3	Đạt	Đạt
357	2223240022	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	26/04/1985	02DD15B1	7,0	7,0	7,0		9,5		8,5	Đạt	Đạt
358	1223360004	Nguyễn Thanh	Phái	13/11/2004	02YS15C1	8,0	8,5	8,3		8,3		8,3	Đạt	Đạt
359	2223240055	Nguyễn Thành	Phát	27/06/2000	02KT15B1	8,0	7,0	7,3		6,4		6,8	Đạt	Đạt
360	3223240008	Lương Thiêm	Phát	19/04/1998	02KT15E2	8,0	7,0	7,3		9,6		8,7	Đạt	Đạt
361	2223360082	Trần Ngọc Hưng	Phát	30/04/2005	02DD15C2	5,0	7,0	6,3		5,3		5,7	Đạt	Đạt
363	1223360153	Bùi Đình	Phi	07/10/2007	01BK15A6.2	7,0	7,0	7,0		5,3		6,0	Đạt	Đạt
364	1223360043	Trần Tuấn	Phong	04/07/2007	01DH15C1	8,0	8,0	8,0		4,8		6,1	Đạt	Đạt
365	1223360173	Lê Huy	Phong	10/05/2007	01DH15C1	7,0	8,0	7,7		4,3		5,7	Đạt	Đạt
366	1223360239	Phan Thanh	Phong	19/10/2007	01BK15A7	7,0	7,0	7,0		4,5		5,5	Đạt	Đạt
368	2223240169	Đặng Phong	Phú	28/02/1993	02PM15A2	6,0	7,0	6,7		6,8		6,8	Đạt	Đạt
369	1223360208	Nguyễn Thanh	Phúc	04/10/2007	01TM15C1	7,0	8,0	7,7		6,3		6,9	Đạt	Đạt
370	1223360217	Thân Thị Hoàng	Phúc	11/03/2007	01DS15C1	7,0	7,0	7,0		6,3		6,6	Đạt	Đạt
371	1223360160	Huỳnh Văn	Phúc	14/02/2007	01BK15A6.2	6,0	8,0	7,3		4,0		5,3	Đạt	Đạt
372	1223360184	Võ Trọng	Phúc	07/02/2007	01PM15C1	7,0	7,0	7,0		7,8		7,5	Đạt	Đạt
373	2223360436	Nguyễn Tấn Thiên	Phúc	03/01/2007	02PM15C2	7,0	8,0	7,7		6,8		7,2	Đạt	Đạt
374	1223360057	Cao Kim	Phụng	27/04/2007	01BK15A6.1	6,0	8,0	7,3		8,3		7,9	Đạt	Đạt
375	2223360037	Phạm Hoàng	Phước	09/02/1997	02YS15D1	8,0	7,0	7,3		8,9		8,3	Đạt	Đạt
376	2223240038	Đặng Văn	Phước	02/11/1997	02TW15B1	9,0	8,5	8,7		9,6		9,2	Đạt	Đạt
377	1223360066	Nguyễn Thị Mỹ	Phương	25/09/2007	01DD15C1	7,0	7,0	7,0		4,5		5,5	Đạt	Đạt
378	1223360183	Phan Thị Trúc	Phương	22/06/2007	01KT15C1	7,0	7,0	7,0		7,5		7,3	Đạt	Đạt
379	1223240060	Đặng Ngọc	Phương	24/10/2004	01YS15A1	6,0	8,0	7,3		6,0		6,5	Đạt	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Kết quả
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	17
380	1223360251	Phan Khánh	Phuong	22/04/2007	01DD15C1	8,0	8,0	8,0		6,0		6,8	Đạt	Đạt
381	2223360001	Nguyễn Huỳnh Hồng	Phuong	22/09/2006	02DH15D1	7,0	7,0	7,0		7,8		7,5	Đạt	Đạt
382	2223240051	Lê Kim	Phuong	28/10/2003	02BK15A2	8,0	8,0	8,0		9,3		8,8	Đạt	Đạt
383	2223240117	Lê Đình	Phuong	23/04/2001	02DD15A2	7,0	7,0	7,0		7,6		7,4	Đạt	Đạt
384	2223360156	Phạm Trần Hà	Phuong	13/04/2004	02DS15C1	9,0	8,5	8,7		3,3		5,5	Đạt	Đạt
385	2223360434	Trần Ngọc Uyên	Phuong	19/09/2007	02MK15C1	7,0	7,0	7,0		5,0		5,8	Đạt	Đạt
386	2223180065	Lê Hồ	Phuong	17/06/1980	02DS15B2	7,0	8,0	7,7		8,3		8,1	Đạt	Đạt
387	2223240054	Võ Thị Kim	Phuong	11/10/1991	02YS15B1	8,0	8,0	8,0		9,1		8,7	Đạt	Đạt
388	2223240116	Trần Đoàn Cẩm	Phuong	15/08/2001	02DS15B2	7,0	7,0	7,0		5,5		6,1	Đạt	Đạt
389	2223240102	Thái Hồ	Quang	20/07/1999	02YS15B1	8,5	7,5	7,8		8,9		8,5	Đạt	Đạt
390	1223240033	Phạm Văn	Quảng	12/01/1996	01BK15B2	8,5	9,0	8,8		9,6		9,3	Đạt	Đạt
391	1223360168	Võ Minh	Quân	10/06/2007	01BK15A6.3	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt	Đạt
392	1223360116	Lê Hoàng	Quân	24/01/2007	01TM15C1	6,0	7,0	6,7		4,8		5,6	Đạt	Đạt
394	2223240072	Nguyễn Anh	Quốc	20/03/1993	02DS15B2	8,0	8,0	8,0		8,7		8,4	Đạt	Đạt
395	2223240112	Trần Anh	Quốc	13/07/2002	02YS15A2	9,0	8,5	8,7		5,8		7,0	Đạt	Đạt
396	1223360044	Trần Bảo	Quy	09/01/2007	01DH15C1	8,0	8,0	8,0		5,8		6,7	Đạt	Đạt
398	1223360107	Thượng Văn	Quý	17/11/2007	01TM15C1	7,0	7,0	7,0		4,3		5,4	Đạt	Đạt
399	1223360126	Ngô Tổ	Quyên	21/09/2007	01BK15A6.3	8,0	8,0	8,0		5,0		6,2	Đạt	Đạt
400	2223240037	Vũ Thị	Quyên	12/06/1984	02BK15B2	8,0	7,5	7,7		8,9		8,4	Đạt	Đạt
401	2213360381	Trần Lê Thảo	Quyên	37937	02BK15A2	8,0	8,0	8,0		9,0		8,6	Đạt	Đạt
403	2223240142	Trần Thị Cẩm	Quyên	30/10/2001	02YS15B1	7,0	8,0	7,7		8,0		7,9	Đạt	Đạt
404	2223360439	Nguyễn Tường	Quyên	15/02/2001	02DD15D1	7,0	8,0	7,7		5,8		6,6	Đạt	Đạt
405	2223360477	Lại Ngọc	Quyên	14/07/1998	02YS15D1	7,0	7,0	7,0		6,8		6,9	Đạt	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Kết quả	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1		
							4,0		6,0	6,0				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	17
406	1223240048	Phạm Xuân	Quyền	24/09/2002	01DS15A2	8,0	8,0	8,0		8,3		8,2	Đạt	Đạt
407	2223360189	Trần Xuân	Quyển	25/10/2003	02TM15C1	3,0	6,5	5,3		8,2		7,0	Đạt	Đạt
408	1223360002	Trương Ngọc Diễm	Quỳnh	18/11/2000	01YS15C1	7,0	8,0	7,7		10,0		9,1	Đạt	Đạt
409	1223360087	Nguyễn Lê Như	Quỳnh	30/12/2007	01DS15C1	6,0	8,0	7,3		6,0		6,5	Đạt	Đạt
410	3223240006	Võ Thị Kim	Quỳnh	12/07/1996	02KT15E2	8,0	8,0	8,0		9,1		8,7	Đạt	Đạt
411	1223360005	Nguyễn Tấn	Sang	02/07/2004	01TM15C1	6,0	6,0	6,0		9,8		8,3	Đạt	Đạt
412	2223240002	Nguyễn Thanh	Sang	11/09/1996	02DS15B1	7,0	7,0	7,0		9,8		8,7	Đạt	Đạt
413	2223240066	Võ Thị Ngọc	Sang	01/10/1985	02DD15B1	8,0	8,5	8,3		8,9		8,7	Đạt	Đạt
414	2223360104	Vũ Minh	Sang	06/12/2006	02DH15C1	5,0	5,0	5,0		5,8		5,5	Đạt	Đạt
416	2223240069	Trần Thị	Sâm	12/11/2003	02DD15B1	8,0	7,0	7,3		7,1		7,2	Đạt	Đạt
417	1223240002	Nguyễn Công	Son	08/07/2001	01DS15A2	8,0	8,0	8,0		9,8		9,1	Đạt	Đạt
418	1223360089	Nguyễn Võ Bình	Son	21/10/2007	01BK15A6.3	7,0	8,0	7,7		6,0		6,7	Đạt	Đạt
419	2223360074	Phan Nhật	Son	18/11/2002	02DH15C1	7,0	7,0	7,0		7,5		7,3	Đạt	Đạt
420	1223360218	Trần Công	Sung	23/04/2007	01DN15C1	7,0	8,0	7,7		6,3		6,9	Đạt	Đạt
421	2223240071	Trịnh Thị	Sương	10/06/1994	02DD15A2	8,0	8,0	8,0		9,0		8,6	Đạt	Đạt
422	1223240014	Trần Nhật	Tài	26/01/2002	01TM15C1	8,0	8,0	8,0		7,5		7,7	Đạt	Đạt
423	2223360018	Đỗ Phú Thành	Tài	03/06/2006	02DS15C1	6,0	7,0	6,7		8,8		8,0	Đạt	Đạt
424	2223360055	Trương Tấn	Tài	29/01/2003	02DH15C1	7,0	8,0	7,7		8,3		8,1	Đạt	Đạt
425	2223360062	Nguyễn Đức	Tài	12/12/2002	02DH15C1	7,0	8,0	7,7		8,8		8,4	Đạt	Đạt
426	2223360447	Nguyễn Thành	Tài	22/09/2007	02YS15C1	7,0	8,0	7,7		6,3		6,9	Đạt	Đạt
427	1223240031	Lê Thị Minh	Tâm	26/04/2003	01DS15A2	8,0	8,0	8,0		7,3		7,6	Đạt	Đạt
428	1223360055	Nguyễn Tuệ	Tâm	19/10/2007	01MK15C1	8,0	8,0	8,0		6,5		7,1	Đạt	Đạt
429	1223240062	Lê Thị Mỹ	Tâm	25/04/2004	01DS15A2	8,0	9,0	8,7		8,5		8,6	Đạt	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Kết quả	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1		
							4,0		6,0	6,0				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	17
430	2223240044	Trần Thiện Tiến	Tâm	14/02/1995	02DH15B1	8,0	7,0	7,3		9,8		8,8	Đạt	Đạt
431	2223240078	Phạm Đồng	Tâm	25/10/1995	02MK15B1	8,0	7,5	7,7		7,3		7,5	Đạt	Đạt
432	1223240008	Nguyễn Văn	Tân	01/05/1998	01BK15A1	7,0	8,0	7,7		9,5		8,8	Đạt	Đạt
433	1223360050	Đoàn Duy	Tân	05/01/2007	01BK15A6.3	6,0	7,0	6,7		6,5		6,6	Đạt	Đạt
434	2223240058	Nông Thị	Tem	25/02/1999	02PL15A1	8,0	7,0	7,3		9,3		8,5	Đạt	Đạt
435	2223240075	Võ Thanh Mỹ	Tiên	25/08/1994	02DS15A2	7,5	9,0	8,5		8,0		8,2	Đạt	Đạt
437	2223360402	Lê Ngọc Thuỷ	Tiên	29/12/2007	02MK15C1	7,0	7,0	7,0		4,0		5,2	Đạt	Đạt
438	2223360423	Chí Nguyệt Cát	Tiên	04/05/2007	02PM15C2	7,0	8,0	7,7		3,8		5,4	Đạt	Đạt
440	2223360044	Võ Thị Thủy	Tiên	09/09/2002	02DS15C2	7	7,5	7,33		4,5		5,6	Đạt	Đạt
442	1223360067	Nguyễn Nho Trương	Tiến	05/01/2007	01BK15A6.2	6,0	7,0	6,7		5,0		5,7	Đạt	Đạt
443	1223360113	Phạm Kim	Tiến	11/04/2007	01BK15A6.2	7,0	7,0	7,0		5,5		6,1	Đạt	Đạt
444	1223360001	Nguyễn Trung	Tín	26/02/2001	02KT15E1	7,0	7,0	7,0		9,0		8,2	Đạt	Đạt
447	1223360233	Đỗ Trọng	Tín	12/11/2007	01BK15A7	7,0	8,0	7,7		8,0		7,9	Đạt	Đạt
448	1223360189	Lê Nguyễn Chí	Tĩnh	02/09/2007	01DH15C1	6,0	8,0	7,3		5,5		6,2	Đạt	Đạt
449	1223360104	Nguyễn Võ Thanh	Toàn	20/08/2007	01BK15A6.1	7,0	7,0	7,0		6,5		6,7	Đạt	Đạt
450	1223360221	Nguyễn Phước	Toàn	21/12/2007	01BK15A6.3	8,0	8,0	8,0		7,0		7,4	Đạt	Đạt
451	1223360071	Nguyễn Đức	Toàn	11/03/2004	02KT15D1	7,0	7,5	7,3		7,5		7,4	Đạt	Đạt
452	2223360358	Trần Trí	Toàn	10/12/2007	02DS15C1	7,0	7,0	7,0		6,0		6,4	Đạt	Đạt
453	1223240049	Ngô Triều	Tông	11/12/2002	01DH15A1	7,0	8,0	7,7		7,8		7,8	Đạt	Đạt
454	2223240028	Trần Tiến	Tới	13/03/2003	02YS15A2	6,0	7,0	6,7		9,0		8,1	Đạt	Đạt
456	1223240009	Lê Thị Cẩm	Tú	22/01/2000	02KT15E2	8,5	8,0	8,2		9,8		9,1	Đạt	Đạt
457	1223360086	Kha Thái	Tú	05/08/2007	01BK15A6.1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt	Đạt
458	1223360138	Dương Thị Cẩm	Tú	14/06/2007	01DS15C1	8,0	8,0	8,0		5,0		6,2	Đạt	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Kết quả	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1		
							4,0		6,0	6,0				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	17
459	3223240011	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	07/3/2001	02KT15E2	10,0	8,5	9,0		8,0		8,4	Đạt	Đạt
460	3223240016	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	30/08/1990	02KT15E2	8,5	6,5	7,2		6,4		6,7	Đạt	Đạt
461	2223240091	Trần Thị Cẩm	Tú	12/08/2003	02DS15A2	7,0	9,0	8,3		7,8		8,0	Đạt	Đạt
462	2223180064	Võ Thị Cẩm	Tú	07/09/1983	02DS15B2	7,0	8,0	7,7		8,3		8,1	Đạt	Đạt
463	1223360039	Lê Hoàng	Tuấn	18/09/2007	01BK15A6.1	7,0	7,0	7,0		7,3		7,2	Đạt	Đạt
464	1223360128	Diệp Minh	Tuấn	10/03/2007	01PM15C1	7,0	8,0	7,7		4,3		5,7	Đạt	Đạt
465	2223240009	Trần Anh	Tuấn	19/11/1996	02DH15A1	6,0	7,0	6,7		9,3		8,3	Đạt	Đạt
466	2223360066	Lê Anh	Tuấn	14/03/2003	02BK15B2	8,0	7,0	7,3		4,7		5,7	Đạt	Đạt
467	2223360063	Nguyễn Anh	Tuấn	19/03/2003	02TM15C1	9,0	9,0	9,0		9,3		9,2	Đạt	Đạt
468	2223360099	Lương Minh	Tuấn	16/06/1985	02MK15D1	8,5	8,0	8,2		6,9		7,4	Đạt	Đạt
469	2223240128	Đào Đạt	Tuấn	08/04/1998	02KT15B1	9,5	8,0	8,5		7,6		8,0	Đạt	Đạt
470	2223240187	Nguyễn Hữu Minh	Tuấn	19/01/20001	02DH15B1	7,0	7,0	7,0		8,0		7,6	Đạt	Đạt
471	1223360200	Võ Phan Thanh	Tùng	23/10/2007	01BK15A6.3	6,0	8,0	7,3		6,0		6,5	Đạt	Đạt
472	2223360046	Hoàng	Tùng	24/05/1999	02YS15C1	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt	Đạt
475	2223240167	Đinh Quốc Quỳnh	Tuyền	25/07/2003	02DS15B2	6,0	7,0	6,7		8,5		7,8	Đạt	Đạt
476	1223360034	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	01/09/2007	01KT15C1	7,0	7,0	7,0		7,5		7,3	Đạt	Đạt
477	1223360035	Trần Thị Thanh	Tuyền	12/07/2007	01MK15C1	7,0	7,0	7,0		6,0		6,4	Đạt	Đạt
478	1223360114	Nguyễn Đặng Mộng	Tuyền	28/10/2007	01KT15C1	7,0	7,0	7,0		6,8		6,9	Đạt	Đạt
479	2223360015	Nguyễn Thu Thanh	Tuyền	08/07/2001	02KT15D1	9,0	9,0	9,0		8,8		8,9	Đạt	Đạt
480	1223360162	Nguyễn Hoàng	Thái	25/07/2007	01BK15A6.2	7,0	8,0	7,7		4,8		6,0	Đạt	Đạt
481	2223240049	Nguyễn Văn	Thái	23/02/1997	02YS15B1	8,0	8,0	8,0		9,3		8,8	Đạt	Đạt
482	1223240015	Lý Văn	Thanh	06/01/1968	01DS15B1	9,0	9,0	9,0		9,6		9,3	Đạt	Đạt
484	1223360202	Trần Thị Phương	Thanh	01/12/2004	01BK15A6.3	7,0	7,0	7,0		5,5		6,1	Đạt	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Kết quả	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1		
							4,0		6,0	6,0				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	17
485	2223360038	Lê Hồ Bá	Thanh	16/08/1994	02DS15D2	8,0	7,5	7,7		9,6		8,8	Đạt	Đạt
486	2223360081	Huỳnh Thị	Thanh	21/10/2001	02DN15C1	7,0	8,0	7,7		7,2		7,4	Đạt	Đạt
487	2223240175	Nguyễn Thị Trúc	Thanh	08/05/2004	02KT15B1	7,0	7,0	7,0		8,0		7,6	Đạt	Đạt
488	1223360237	Hồ Tấn	Thành	10/08/2007	01PM15C1	7,0	8,0	7,7		5,0		6,1	Đạt	Đạt
489	2223360007	Nguyễn Hoàng	Thành	12/12/2000	02DN15D1	7,0	7,0	7,0		8,5		7,9	Đạt	Đạt
490	2223360483	Ngô Quang	Thành	30/11/2007	02PM15C2	6,0	7,0	6,7		7,8		7,4	Đạt	Đạt
491	2223360476	Phan Văn	Thành	03/08/2000	02DS15D2	7,0	7,0	7,0		8,3		7,8	Đạt	Đạt
492	1223240026	Cao Thị Phương	Thảo	03/08/2003	01DS15A2	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt	Đạt
493	2223360521	Mai Thị Phương	Thảo	09/01/2005	01YS15C1	10,0	9,0	9,3		9,3		9,3	Đạt	Đạt
494	1223360174	Nguyễn Thị Thu	Thảo	15/10/2007	01BK15A6.3	8,0	8,0	8,0		8,3		8,2	Đạt	Đạt
495	1223360110	Đặng Thị Thanh	Thảo	19/06/2003	01BK15A6.3	8,0	9,0	8,7		8,3		8,5	Đạt	Đạt
496	2223360003	Dương Thị Bé	Thảo	29/09/1995	02DS15C1	9,0	9,0	9,0		9,5		9,3	Đạt	Đạt
497	2223360011	Trần Ngọc Thanh	Thảo	23/04/2005	02DD15C1	8,0	9,0	8,7		8,3		8,5	Đạt	Đạt
498	3223240015	Hồ Thị Xuân	Thảo	16/06/1999	02KT15E2	8,5	6,5	7,2		7,8		7,6	Đạt	Đạt
499	2223360134	Phạm Thị Hương	Thảo	20/07/2003	02DD15C2	9,0	7,5	8,0		6,7		7,2	Đạt	Đạt
500	2223240106	Nguyễn Thanh	Thảo	17/09/2002	02BK15B4	9,0	8,0	8,3		6,2		7,0	Đạt	Đạt
501	2223360403	Nguyễn Hoàng Thuận	Thảo	02/06/2007	02DS15C1	6,0	8,0	7,3		5,0		5,9	Đạt	Đạt
502	2223360437	Phan Thị Bé	Thảo	30/04/2007	02DL15C1	6,0	8,0	7,3		4,8		5,8	Đạt	Đạt
504	2223240172	Đặng Thị Phương	Thảo	04/04/1991	02KT15B1	7,0	8,0	7,7		8,3		8,1	Đạt	Đạt
505	1223360167	Phạm Hồng	Thắm	14/05/2007	01KT15C1	7,0	7,0	7,0		7,8		7,5	Đạt	Đạt
506	2223240150	Vũ Thị	Thắm	09/10/1982	02KT15B1	7,0	7,0	7,0		7,5		7,3	Đạt	Đạt
507	1223360099	Phan Võ Quang	Thắng	01/09/2007	01DH15C1	6,0	7,0	6,7		4,8		5,6	Đạt	Đạt
508	2223240108	Đỗ Văn	Thắng	24/03/2002	02YS15B1	7,5	8,0	7,8		7,5		7,6	Đạt	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Kết quả	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1		
							4,0		6,0	6,0				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	17
509	2223360418	Hoàng Ngọc Anh	Thi	21/07/2007	02BK15A6.5	8,0	8,0	8,0		4,8		6,1	Đạt	Đạt
510	2223240062	Phan Duy	Thiên	17/03/1998	02DH15B1	8,0	7,0	7,3		8,0		7,7	Đạt	Đạt
511	2223360376	Nguyễn Tuấn	Thiên	10/08/2007	02MK15C1	7,0	7,0	7,0		5,8		6,3	Đạt	Đạt
512	1223240027	Nguyễn Ngọc	Thiện	19/09/2000	01BK15A2	7,0	7,0	7,0		8,3		7,8	Đạt	Đạt
513	1223360179	Trần Ngọc	Thiện	02/10/2007	01BK15A6.3	6,0	7,0	6,7		6,5		6,6	Đạt	Đạt
514	1223360016	Lê	Thịnh	28/02/2006	01BK15A2	8,0	8,0	8,0		7,3		7,6	Đạt	Đạt
515	1223360190	Lâm Quốc	Thịnh	03/12/2007	01BK15A6.3	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt	Đạt
516	1223360204	Nguyễn Quốc Hưng	Thịnh	03/08/2007	01PM15C1	7,0	7,0	7,0		6,5		6,7	Đạt	Đạt
517	1223360209	Lâm Phúc	Thịnh	01/03/2007	01PM15C1	6,0	8,0	7,3		6,3		6,7	Đạt	Đạt
518	2223360045	Nguyễn Ngọc	Thịnh	22/07/2002	02YS15C1	7,0	7,0	7,0		8,8		8,1	Đạt	Đạt
519	2223360136	Nguyễn Phước	Thịnh	02/12/2004	02DL15C1	7,0	7,0	7,0		5,3		6,0	Đạt	Đạt
520	1223360017	Lê Thị Kim	Thoa	26/03/2001	02KT15E1	8,5	5,5	6,5		7,6		7,2	Đạt	Đạt
521	2223360049	Trần Hoàng	Thơ	16/11/2003	02BK15A2	8,0	8,0	8,0		8,5		8,3	Đạt	Đạt
522	1223360069	Nguyễn Tuyết	Thu	25/08/2007	01BK15A6.1	6,0	8,0	7,3		7,5		7,4	Đạt	Đạt
523	1223360045	Trần Nguyễn Quốc	Thuận	14/09/2007	01BK15A6.1	7,0	8,0	7,7		8,3		8,1	Đạt	Đạt
524	2223360009	Võ Minh	Thuận	15/05/2002	02DD15D1	7,0	7,0	7,0		9,5		8,5	Đạt	Đạt
525	2223240053	Nguyễn Minh	Thuận	11/03/2001	02DS15B2	8,0	7,0	7,3		7,8		7,6	Đạt	Đạt
526	2223240173	Nguyễn Thị Kiều	Thuận	19/09/2001	02DS15B2	7,0	8,0	7,7		8,3		8,1	Đạt	Đạt
527	1223360053	Phạm Huỳnh Phương	Thùy	12/02/2007	01BK15A6.1	7,0	7,0	7,0		4,0		5,2	Đạt	Đạt
528	1223240039	Trần Thị Thanh	Thúy	12/01/1998	01KT15A1	7,0	7,0	7,0		6,5		6,7	Đạt	Đạt
529	3223240017	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	17/12/1998	02KT15E2	8,5	7,5	7,8		8,7		8,3	Đạt	Đạt
530	1223360180	Lưu Thị Minh	Thùy	02/01/2007	01BK15A6.1	7,0	7,0	7,0		6,8		6,9	Đạt	Đạt
531	2223240159	Trần Thị	Thùy	20/03/1983	02DS15B2	7,0	7,0	7,0		8,8		8,1	Đạt	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Kết quả	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1		
							4,0		6,0	6,0				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	17
532	2223240048	Trương Thu	Thủy	01/01/1994	02DS15A2	8,0	7,5	7,7		9,8		8,9	Đạt	Đạt
533	2223240133	Nguyễn Ngọc	Thủy	06/06/1996	02DS15B2	7,0	8,0	7,7		6,2		6,8	Đạt	Đạt
534	2223360112	Phạm Thị Bích	Thủy	15/10/1983	02DS15D2	9,5	8,5	8,8		6,9		7,7	Đạt	Đạt
535	1223360177	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	01/05/2006	01BK15A6.3	6,0	8,0	7,3		5,5		6,2	Đạt	Đạt
536	2223240005	Nguyễn Thanh	Thúy	05/03/1997	02DN15B1	8,0	8,0	8,0		9,8		9,1	Đạt	Đạt
537	2223240165	Bùi Thị	Thúy	10/10/1999	02DN15B1	7,0	7,0	7,0		8,0		7,6	Đạt	Đạt
538	1223360205	Nguyễn Hoàng	Thuyền	29/08/2007	01PM15C1	6,0	8,0	7,3		6,5		6,8	Đạt	Đạt
539	1223360195	Trịnh Thị	Thư	11/08/2007	01BK15A6.3	8,0	8,0	8,0		7,5		7,7	Đạt	Đạt
540	1223360144	Nguyễn Lê Anh	Thư	01/09/2007	01BK15A6.2	6,0	7,0	6,7		5,5		6,0	Đạt	Đạt
541	2223240029	Trần Lê Anh	Thư	27/02/2000	02DD15B1	5,0	7,0	6,3		8,5		7,6	Đạt	Đạt
542	2223240064	Hoàng Nguyễn Kim	Thư	07/05/2003	02YS15A2	8,0	9,0	8,7		9,5		9,2	Đạt	Đạt
543	2223360355	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	25/04/2007	02KT15C1	6,0	7,0	6,7		5,8		6,2	Đạt	Đạt
544	1223360154	Lê Hạ Hoài	Thương	27/09/2007	01BK15A6.2	7,0	7,0	7,0		5,5		6,1	Đạt	Đạt
545	2223360052	Huỳnh Văn	Thường	17/12/2004	02MK15C1	8,0	8,0	8,0		7,5		7,7	Đạt	Đạt
546	2223360386	Vũ Duy	Thường	03/09/2007	02YS15C1	7,0	7,0	7,0		5,8		6,3	Đạt	Đạt
547	2223360365	Nguyễn Thị Gia	Thy	02/12/2007	02DS15C1	7,0	8,0	7,7		7,0		7,3	Đạt	Đạt
548	2223360416	Nguyễn Thụy Giang	Thy	07/02/2000	02DD15D1	6,0	6,0	6,0		6,5		6,3	Đạt	Đạt
550	1223360216	Bùi Thị Thùy	Trang	12/10/2007	01MK15C1	6,0	7,0	6,7		6,3		6,5	Đạt	Đạt
551	1223360164	Nguyễn Thị Thùy	Trang	10/10/2007	01BK15A6.2	7,0	7,0	7,0		5,3		6,0	Đạt	Đạt
552	2223240019	Phạm Minh	Trang	07/02/2000	02BK15A1	6,0	7,0	6,7		9,5		8,4	Đạt	Đạt
553	2223360034	Hoàng Thị Thùy	Trang	23/08/2005	02KT15D1	8,0	7,5	7,7		9,6		8,8	Đạt	Đạt
554	2223240063	Lê Nguyễn Mai	Trang	06/01/2000	02DS15B2	8,5	8,0	8,2		6,0		6,9	Đạt	Đạt
555	2223240119	Mai Thanh	Trang	15/06/1997	02DD15A1	7,5	8,0	7,8		7,1		7,4	Đạt	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Kết quả	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1		
							4,0		6,0	6,0				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	17
559	1223240019	Phan Bích Trâm	26/10/2001	01DS15A2	8,0	8,0	8,0			8,5		8,3	Đạt	Đạt
560	1223240020	Phan Ngọc Trâm	26/10/2001	01DS15A2	8,0	9,0	8,7			8,0		8,3	Đạt	Đạt
561	2223240060	Đoàn Ngọc Trâm	07/03/2002	01KT15A1	8,0	8,0	8,0			8,3		8,2	Đạt	Đạt
562	1223360028	Nguyễn Ngọc Phương Trâm	16/05/2007	01DD15C1	6,0	7,0	6,7			6,5		6,6	Đạt	Đạt
563	1223360121	Trần Thị Thu Trâm	01/03/2007	01KT15C1	7,0	7,0	7,0			5,8		6,3	Đạt	Đạt
564	3223240005	Nguyễn Thị Huyền Trâm	09/04/2000	02KT15E2	7,0	7,0	7,0			8,8		8,1	Đạt	Đạt
565	2223360025	Ngô Thị Bích Trâm	07/03/2002	02BK15A2	8,0	8,0	8,0			7,8		7,9	Đạt	Đạt
566	2223360040	Nguyễn Ngọc Phương Trâm	02/03/2002	02KT15C1	8,0	9,0	8,7			7,3		7,9	Đạt	Đạt
567	2223360331	Trần Bảo Trâm	23/09/2007	02DH15C3	7,0	7,0	7,0			6,8		6,9	Đạt	Đạt
568	1223360008	Đoàn Ngọc Quế Trâm	16/09/2005	01DS15C1	9,0	10,0	9,7			8,8		9,2	Đạt	Đạt
569	2223240077	Nguyễn Mộng Huyền Trâm	20/05/1999	02YS15B1	9,0	8,0	8,3			8,4		8,4	Đạt	Đạt
571	1223360100	Lưu Trần Minh Trí	28/10/2007	01BK15A6.3	7,0	7,0	7,0			5,8		6,3	Đạt	Đạt
572	2223360089	Vũ Hoàng Thiên Trí	20/07/2003	02DH15C1	7,0	8,0	7,7			2,7		4,7	Đạt	Đạt
573	2223360036	Nguyễn Thị Mộng Trinh	15/10/2005	02DL15C1	7,0	7,0	7,0			2,8		4,5	Đạt	Đạt
574	2223240086	Bùi Giang Nguyên Trinh	26/10/1994	02DS15B2	6,5	7,5	7,2			7,8		7,6	Đạt	Đạt
575	2223240065	Nguyễn Ngọc Triu	25/04/1998	02YS15A2	7,0	8,0	7,7			7,3		7,5	Đạt	Đạt
576	1223360165	Liêu Minh Trọng	03/11/2007	01BK15A6.2	6,0	8,0	7,3			5,8		6,4	Đạt	Đạt
577	2223240089	Nguyễn Hữu Trọng	18/08/2000	02YS15B1	8,5	7,5	7,8			8,4		8,2	Đạt	Đạt
578	2223360395	Trương Phú Trọng	06/09/2006	02DS15C1	6,0	7,0	6,7			6,0		6,3	Đạt	Đạt
579	1223240043	Trương Thị Thanh Trúc	26/07/1999	01BK15B4	7,0	7,0	7,0			6,8		6,9	Đạt	Đạt
580	1223360145	Nguyễn Thanh Trúc	05/11/2007	01BK15A6.2	7,0	8,0	7,7			4,3		5,7	Đạt	Đạt
582	1223360196	Dương Quốc Trung	08/09/2007	01BK15A6.3	6,0	6,0	6,0			7,5		6,9	Đạt	Đạt
583	1223360199	Nguyễn Thành Trung	08/06/2007	01BK15A6.3	7,0	7,0	7,0			6,8		6,9	Đạt	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Kết quả	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1		
							4,0		6,0	6,0				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	17
584	2223240013	Trần Đức	Trung	28/02/1999	02YS15B1	7,0	7,0	7,0		9,0		8,2	Đạt	Đạt
585	3223240012	Lâm Hoài	Trung	28/05/1982	01DS15B1	6,0	8,0	7,3		9,3		8,5	Đạt	Đạt
587	1223240044	Nguyễn Tấn	Trương	15/09/1995	01DS15B1	8,0	8,0	8,0		6,0		6,8	Đạt	Đạt
588	1223360201	Nguyễn Văn	Trường	21/11/2005	01PM15C1	7,0	7,0	7,0		6,0		6,4	Đạt	Đạt
589	2223240090	Phạm Mạnh	Trường	10/06/2003	02DS15B2	10,0	8,5	9,0		7,8		8,3	Đạt	Đạt
590	1223360036	Nguyễn Thị Lệ	Uyên	03/05/2007	01BK15A6.1	7,0	7,0	7,0		6,8		6,9	Đạt	Đạt
591	1223360102	Nguyễn Hoàng Phương	Uyên	17/08/2007	01DS15C1	6,0	8,0	7,3		5,0		5,9	Đạt	Đạt
592	1223360130	Nguyễn Ngọc Thảo	Uyên	23/05/2007	01MK15C1	7,0	7,0	7,0		5,3		6,0	Đạt	Đạt
593	2223360012	Lê Thùy	Uyên	22/10/2003	02DD15C2	7,0	7,0	7,0		10,0		8,8	Đạt	Đạt
594	2223360420	Đào Thị Mỹ	Uyên	17/02/2007	02KT15C1	7,0	8,0	7,7		3,8		5,4	Đạt	Đạt
595	2223360440	Nguyễn Đình Thảo	Uyên	26/08/2006	02MK15C1	7,0	8,0	7,7		6,0		6,7	Đạt	Đạt
596	2223360181	Lê Thị Trường	Vang	13/12/1989	02DH15D1	9,0	9,0	9,0		7,0		7,8	Đạt	Đạt
597	1223360046	Hứa Vĩ	Văn	07/12/2007	01KT15C1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt	Đạt
598	1223240005	Nguyễn Thị Kim	Vân	04/01/2002	01DS15B1	8,0	8,0	8,0		9,8		9,1	Đạt	Đạt
599	1223240028	Phạm Thị Thúy	Vân	03/03/1992	02YS15A2	8,0	8,0	8,0		9,0		8,6	Đạt	Đạt
602	2223360005	Trịnh Thị Thúy	Vân	24/06/1998	02DD15C2	9,0	9,0	9,0		9,3		9,2	Đạt	Đạt
603	1223240012	Lê Thị Tường	Vi	01/09/2003	01DS15A2	8,0	9,0	8,7		8,3		8,5	Đạt	Đạt
604	2223240042	Đỗ Thị Tường	Vi	05/08/1987	02DS15B2	8,0	8,5	8,3		9,6		9,1	Đạt	Đạt
605	2223240088	Đào Lan	Vi	01/04/1995	02DH15B1	8,5	7,5	7,8		7,1		7,4	Đạt	Đạt
606	2223360339	Trương Nguyễn Mỹ	Vi	15/09/2007	02MK15C1	7,0	7,0	7,0		5,5		6,1	Đạt	Đạt
607	2223360364	Lưu Tuấn	Việt	31/10/2007	02DH15C2	6,0	7,0	6,7		5,8		6,2	Đạt	Đạt
608	2223360369	Đoàn Quốc	Việt	27/04/2007	02MK15C1	7,0	8,0	7,7		5,8		6,6	Đạt	Đạt
610	2223360388	Lê Xuân	Vinh	10/09/2007	02DH15C2	7,0	8,0	7,7		4,8		6,0	Đạt	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Kết quả	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1		
							4,0		6,0	6,0				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	17
611	2223240045	Nguyễn Thế	Vĩnh	05/04/1997	02YS15B1	8,0	7,0	7,3		9,3		8,5	Đạt	Đạt
612	1223360047	Hứa Quang	Vũ	24/11/2005	01BK15A6.1	8,0	8,0	8,0		7,0		7,4	Đạt	Đạt
613	3223240014	Đỗ Xuân	Vũ	02/12/1993	02MK15B1	8,5	7,0	7,5		5,8		6,5	Đạt	Đạt
615	1223360072	Tô Châu Nhật	Vy	10/04/2007	01DS15C1	6,0	8,0	7,3		7,5		7,4	Đạt	Đạt
616	1223360095	Nguyễn Thị Yên	Vy	06/06/2007	01KT15C1	6,0	7,0	6,7		3,8		5,0	Đạt	Đạt
617	1223360161	Nguyễn Thị Tuyết	Vy	11/06/2007	01MK15C1	6,0	7,0	6,7		5,5		6,0	Đạt	Đạt
618	1223360169	Nguyễn Thị Tường	Vy	03/07/2007	01KT15C1	7,0	8,0	7,7		6,5		7,0	Đạt	Đạt
619	2223240026	Thái Triệu	Vy	26/02/2002	02BK15A1	7,0	6,0	6,3		6,5		6,4	Đạt	Đạt
620	2223360043	Đinh Khả	Vy	16/09/2000	02DS15D2	7,0	8,0	7,7		6,5		7,0	Đạt	Đạt
621	2223240085	Lê Bảo	Vy	19/06/2000	02DS15B2	8,5	7,0	7,5		7,3		7,4	Đạt	Đạt
622	2223360093	Nguyễn Đăng Thanh	Vy	28/10/2001	02DS15C2	7,0	8,0	7,7		6,3		6,9	Đạt	Đạt
623	2223240104	Nguyễn Thị Ánh	Vy	05/08/1996	02DS15B2	7,5	7,5	7,5		6,0		6,6	Đạt	Đạt
624	2223240131	Nguyễn Đan	Vy	10/08/2002	02YS15B1	7,0	5,0	5,7		5,5		5,6	Đạt	Đạt
625	2223360354	Trần Thị Kiều	Vy	08/11/2007	02DD15C1	7,0	7,0	7,0		4,5		5,5	Đạt	Đạt
626	2223360356	Nguyễn Hoàng Tường	Vy	27/10/2007	02DD15C1	8,0	8,0	8,0		5,0		6,2	Đạt	Đạt
627	2223360378	Đỗ Hoàng Thuý	Vy	21/02/2007	02DH15C2	7,0	7,0	7,0		5,5		6,1	Đạt	Đạt
628	2223360413	Lê Thanh	Vy	24/10/2007	02DD15C1	6,0	8,0	7,3		4,8		5,8	Đạt	Đạt
630	1223360222	Nguyễn Thị Như	Ý	11/03/2007	01BK15A7	6,0	7,0	6,7		6,5		6,6	Đạt	Đạt
631	2223240093	Nguyễn Thị Ngọc Như	Ý	16/06/2003	02YS15B1	8,5	6,0	6,8		6,2		6,4	Đạt	Đạt
632	1223240051	Trần Ngọc	Yến	09/05/1996	02DS15B2	8,0	9,0	8,7		7,8		8,1	Đạt	Đạt
633	1223360225	Nguyễn Kim	Yến	04/12/2007	01DS15C1	7,0	8,0	7,7		6,5		7,0	Đạt	Đạt
635	2223360039	Bùi Phi	Yến	04/10/2006	02DS15C1	8,0	8,0	8,0		9,0		8,6	Đạt	Đạt
636	2223360064	Lê Ngọc Kim	Yến	20/04/2003	02DS15C2	8,0	8,0	8,0		6,0		6,8	Đạt	Đạt